

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐÓNG TÀU AN PHÚ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG TÀU AN PHÚ



Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban tổ chức đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá.



ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Q.1, TP. HCM



ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
Địa chỉ: 56-68 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP. HCM

TP. Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2014

MỤC LỤC

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ	4
PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐÁU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	6
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM.....	7
PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP.....	8
I. TỔNG QUAN.....	8
1. Giới thiệu về Doanh nghiệp	8
2. Ngành nghề kinh doanh chính.....	8
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	9
4. Quá trình hình thành và phát triển.....	9
5. Năng lực và kinh nghiệm hoạt động của Công ty	10
6. Cơ cấu tổ chức và quản lý	11
7. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh liên kết.....	13
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	13
1. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	13
2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	15
2. Diện tích các khu đất Công ty hiện đang quản lý, sử dụng.....	16
3. Thực trạng về tài chính và công nợ.....	16
4. Thực trạng về lao động.....	18
3. Những vấn đề đang tiếp tục xử lý	18
III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	19
1. Tình hình hoạt động kinh doanh	19
2. Vị thế của Công ty trong ngành	23
3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa	24
4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa	26
PHẦN V: PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA.....	28
I. TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN	28
II. VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG.....	28
1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	28
2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến	29
3. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty.....	31

4. Chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư và phương án sản xuất kinh doanh.....	33
5. Biện pháp thực hiện.....	35
PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	36
I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN	36
1.1. Loại cổ phần	40
1.2. Phương thức phát hành	41
II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA	41
III. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN.....	42
1. Rủi ro về kinh tế.....	42
2. Rủi ro pháp lý.....	42
3. Rủi ro đặc thù	43
4. Rủi ro khác	43
IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	44
V. CAM KẾT	45

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 3289/QĐ-UBND ngày 21/06/2013 của Ủy ban Nhân dân TP. HCM về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn- TNHH MTV;
- Quyết định số 6921/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban Nhân dân TP. HCM về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên;
- Quyết định số 7321/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban Nhân dân TP. HCM về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn-TNHH một thành viên giai đoạn 2013-2015;
- Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của Ủy ban Nhân dân TP. HCM về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên;

- Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 26/04/2013 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về Quy trình chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần;
- Quyết định số 505/QĐ-BCĐCPH ngày 31/12/2013 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú;
- Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú thuộc Tổng công ty Cơ khí giao thông Vận tải Sài Gòn-TNHH một thành viên để thực hiện cổ phần hóa;
- Quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 30/08/2014 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV.
- Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú thành công ty cổ phần.

PHẦN II:
CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẦU GIÁ
BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

I. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Địa chỉ : 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại : (08) 3821 7713 Fax: (08) 3821 7452
- Website : www.hsx.vn

II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN:

CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG TÀU AN PHÚ

- Trụ sở chính : Số 18 Đào Trí, P. Phú Thuận, Q.7, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 37.733.072 Fax: (08) 38.733.038
- Website : www.dongtauanphu.com.vn
- Email: tochuc@dongtauanphu.com.vn

III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

- Trụ sở chính : 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại : (08) 3821 8666 Fax: (08) 3914 4372
- Website : www.dag.vn

**PHẦN III:
CÁC KHÁI NIỆM**

THUẬT NGỮ	KHÁI NIỆM
▪ AN PHÚ	Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú
▪ Công ty	Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú
▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
▪ CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
▪ BHXH	Bảo hiểm xã hội
▪ DT	Doanh thu
▪ GTDN	Giá trị doanh nghiệp
▪ HĐKD	Hoạt động kinh doanh
▪ KSV	Kiểm soát viên
▪ LN	Lợi nhuận
▪ LNTT	Lợi nhuận trước thuế
▪ LNST	Lợi nhuận sau thuế
▪ TSCĐ	Tài sản cố định
▪ QSDĐ	Quyền sử dụng đất
▪ XD CB	Xây dựng cơ bản
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ HĐLĐ	Hợp đồng lao động
▪ HĐQT	Hội đồng quản trị
▪ HĐTV	Hội đồng thành viên

PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về Doanh nghiệp

- ❖ Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG TÀU AN PHÚ**
- ❖ Tên tiếng Anh: **AN PHU SHIPBUILDING COMPANY LIMITED**
- ❖ Tên viết tắt: **ANPHU CO., LTD**
- ❖ Địa chỉ: **18 Đào Trí, P. Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh**
- ❖ Điện thoại: **(08) 37.733.072**
- ❖ Fax: **(08) 38.733.038**
- ❖ Mã số thuế: **0301079268**
- ❖ Website: www.dongtauanphu.com.vn
- ❖ Email: tochuc@dongtauanphu.com.vn



- ❖ Logo :
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301079268 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 5 năm 2006; đăng ký thay đổi lần thứ **bảy ngày 01 tháng 08 năm 2014**.
- ❖ Vốn điều lệ: 41.168.696.683 đồng
- ❖ Đại diện chủ sở hữu : Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn-TNHH MTV

2. Ngành nghề kinh doanh chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301079268 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 5 năm 2006; đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 01 tháng 08 năm 2014, các sản phẩm dịch vụ chính của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú bao gồm:

- Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- Gia công cắt, bẻ, uốn tole;
- Gia công cơ khí thiết bị động lực; gia công sản phẩm kết cấu thép;
- Kinh doanh vật tư thiết bị phụ tùng ngành đóng tàu;
- Sửa chữa giàn khoan và các công trình trên biển;
- Thu gom, vận chuyển cặn dầu thô, chất thải nhiễm dầu từ vệ sinh tàu dầu và giàn khoan.
- ...

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú là doanh nghiệp nhà nước hoạt động chính trong các lĩnh vực sau:

▪ **Hoạt động đóng mới các phương tiện thủy:**

- ✓ Đóng mới các loại tàu hàng, tàu dầu đi sông và đi biển có trọng tải 3.000 DWT;
- ✓ Đóng mới các loại Ponton, salan có trọng tải 5.000 DWT;
- ✓ Đóng mới các loại tàu kéo có sức kéo 3000hp;
- ✓ Đóng mới tàu dịch vụ và tàu khách đi sông, đi biển: 300 khách;
- ✓ Đóng mới các loại Phà vỏ thép: 60 tấn- 200 tấn;
- ✓ Đóng mới các loại cano tuần tra đặc biệt tốc độ cao.

▪ **Hoạt động sửa chữa:**

- ✓ Sửa chữa các loại tàu hàng, tàu dầu đi sông và đi biển có trọng tải 3.000 DWT trong Ụ của nhà máy;
- ✓ Sửa chữa các phần thiết bị và hệ thống các loại tàu có trọng tải 5.000 T không cần đưa vào dock;
- ✓ Sửa chữa các loại tàu kéo có sức kéo 12.500 CV;
- ✓ Sửa chữa Salan và pontoon có trọng tải 2.000 DWT đến 5.000 DWT;
- ✓ Sửa chữa tàu du lịch và tàu hành khách 300 hành khách.
- ✓ Sửa chữa tàu cầu nổi có sức nâng 600-1200 tấn (Trường Sa- Hoàng Sa);
- ✓ Sửa chữa các loại phà đi sông 100 tấn;
- ✓ Gia công kết cấu và thiết bị công nghiệp.

▪ **Hoạt động Chống ăn mòn:**

Phun cát và sơn hầm hàng các tàu chứa dầu: Ấp Bắc 02; Nhà Bè 001; Nhà Bè 02; Petrolimex 01; Bình Minh 01; Tổng kho xăng dầu Nhà Bè; kho xăng dầu Hàng Không sân bay.

4. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú tiền thân là Xí nghiệp Liên Hợp Đóng tàu được thành lập vào năm 1979.

Năm 1993, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và sắp xếp lại các Doanh nghiệp Nhà nước, Xí nghiệp Liên Hợp Đóng tàu được đổi tên thành Công ty đóng tàu An Phú theo quyết định số 44/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 26/03/1993.

Đến ngày 10/04/2006, theo quyết định số 1617/QĐ-UBND về việc Công ty Đóng tàu An Phú được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú, trực thuộc Tổng công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn- TNHH một thành viên (SAMCO).

Với chiều dài lịch sử hoạt động Công ty đã có được nhiều kinh nghiệm trong các công tác sửa chữa Vỏ tàu, sửa chữa và bảo dưỡng Máy ống, Phần điện, Đóng mới và sửa chữa các loại tàu.

Năm 2007 đến nay, Công ty đã có định hướng chuyển hình thức kinh doanh từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần để có thể tận dụng được các lợi thế của thị trường vốn và thị trường chứng khoán, đánh dấu một bước ngoặt lớn cho quá trình hình thành và phát triển cho Công ty trong thời gian tới.

 Các thành tích đạt được:

Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú là một trong những doanh nghiệp nhà nước ngành đóng tàu được thành lập sớm nhất ở miền Nam Việt Nam sau giải phóng 1975. Trải qua hơn 30 năm hình thành và phát triển Công ty đã đạt được những thành tích sau:

- Huân chương Lao Động hạng III do Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh ký ngày 20/06/1983.
- Các giấy khen của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn về thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú. Cơ cấu tổ chức và quản lý.

5. Năng lực và kinh nghiệm hoạt động của Công ty

Hơn 30 năm hình thành và phát triển với đội ngũ cán bộ nhiệt huyết và giàu kinh nghiệm Công ty có nhiều kinh nghiệm và năng lực để cung cấp các dịch vụ, sản phẩm có chất lượng đến khách hàng:

- ✓ **Sửa chữa vỏ tàu:** Gia công lắp ráp khung xương, lắp ráp thiết bị vỏ, thiết lập các biện pháp công nghệ khi hàn kết cấu và tôn vỏ, lắp đặt các thiết bị trên boong như máy neo, máy lái, thiết bị động lực, thiết bị radar hàng hải... Công ty đã cử đội công nhân theo tàu sửa chữa tại Singapore ở các nhà máy Keppel, Sambawang, Jurong, Hitachi, DooSung (Pedco), Rạng Đông... Các sản phẩm của chúng tôi hoàn thành dưới sự giám sát Đăng kiểm Lloyd/s DNV, Đăng kiểm Việt Nam và các tổ chức kiểm tra chất lượng khác.
- ✓ **Sửa chữa, bảo dưỡng máy, ống:** Công ty đã thực hiện các công việc sửa chữa, bảo dưỡng phần máy, ống cho các công trình tiêu biểu như: sửa chữa máy phát điện EMD 1600KW của giàn Cừ Long; sửa chữa hộp số máy mũi tàu Sông Dinh 01; sửa chữa máy phát điện và hệ thống ống Heating Coil tàu Chi Lăng; sửa chữa máy chính tàu Sao Mai 03; sửa chữa máy điện tàu Vũng Tàu 01...
- ✓ **Sửa chữa phần điện:** Công ty có kinh nghiệm trong công tác sửa chữa phần điện thông qua các công trình như: sửa chữa, bảo dưỡng các motor máy phát điện giàn Cừ Long; máy phát điện tàu Chi Lăng; máy đèn tàu Vũng Tàu 01... Ngoài ra, công ty còn thực hiện các công việc sửa chữa hệ thống điện điều khiển tự động, thay mới và sửa chữa hệ thống điện tàu, hệ thống chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc...
- ✓ **Đóng mới và sửa chữa các loại tàu:** Từ những năm 80, 90 công ty đã đóng mới tàu hàng Sông Tiền 1.000T là tàu hàng khô đầu tiên và lớn nhất phía Nam thời điểm ấy,

tàu hàng đông lạnh Cửu Long Giang 750T, tàu hàng An Giang 900T, các loại tàu trang bị các thiết bị hiện đại đang hoạt động ở vùng biển Đông Nam Á, tàu kéo 2 x 1.100cv cho Công ty vận tải dầu khí Falcon, tàu kéo 2.000cv Bình An 01...

✓ ***Trong kinh nghiệm đóng phà, công ty đã thực hiện:***

- 02 phà tự hành 60 tấn cho bến phà Bình Khánh trên tuyến đường Nhà Bè – Cần Giò
- Hoán cải 2 phà 100 tấn cho bến phà An Hòa và bến phà Vàm Cống (An Giang).

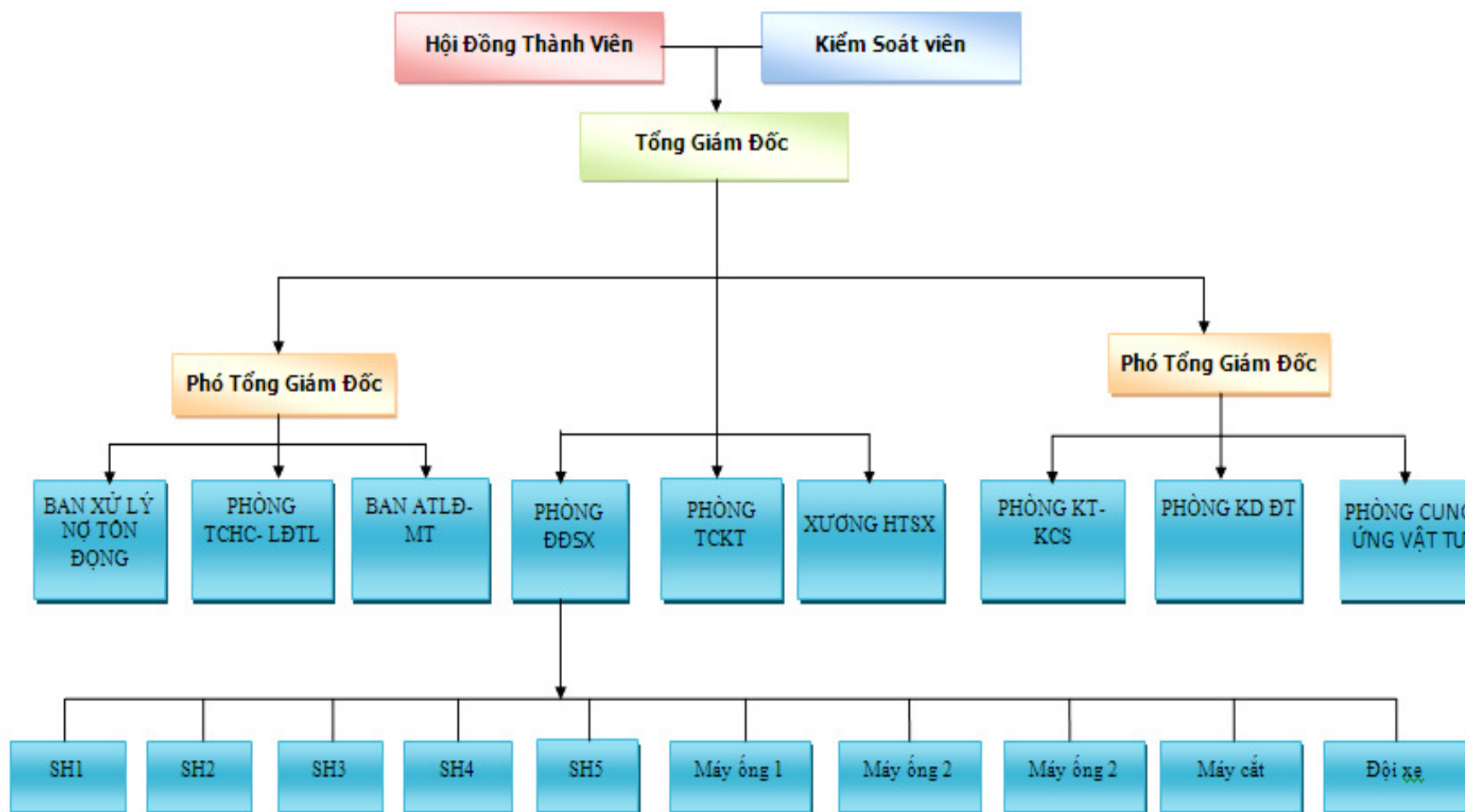
6. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú, cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty bao gồm:

- Hội đồng thành viên;
- Kiểm soát viên;
- Ban Giám đốc gồm: 1 Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc.
- 05 Phòng ban chức năng: Ban xử lý nợ tồn đọng, Ban An toàn lao động- MT, Phòng Tổ chức Hành chánh- LĐTL, Phòng ĐDSX, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Kỹ thuật-KCS, Phòng Kinh doanh ĐT, Phòng Cung ứng vật tư.
- 01 xưởng: HTSX

Với cơ cấu như trên, bộ máy tổ chức của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ tổ chức của Công ty trước khi cổ phần hóa:



7. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh liên kết

Công ty mẹ	Tỷ lệ nắm giữ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn- TNHH MTV	100%

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**1. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa**

Căn cứ Quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 30/08/2014 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013 của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú là 83.270.949.323 đồng.
- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú tại thời điểm 31/12/2013 để cổ phần hóa là 55.899.902.682 đồng.

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú tại thời điểm 31/12/2013 thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	47.728.767.061	83.270.949.323	35.542.182.262
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	15.744.832.200	34.388.981.175	18.644.148.975
1. Tài sản cố định	13.243.354.327	31.884.167.481	18.640.813.154
<i>a. TSCĐ hữu hình</i>	<i>13.243.354.327</i>	<i>31.884.167.481</i>	<i>18.640.813.154</i>
-Nhà cửa - vật kiến trúc	11.036.590.125	28.604.959.930	17.568.369.805
-Phương tiện vận tải	521.808.557	817.007.921	295.199.364
-Máy móc thiết bị	1.596.586.791	2.325.211.048	728.624.257
-Thiết bị dụng cụ quản lý	88.368.854	136.988.582	48.619.728
<i>b. TSCĐ vô hình</i>	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	307.704.162	307.704.162	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	16.300.000	16.300.000	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	2.177.473.711	2.180.809.532	3.335.821
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	31.983.934.861	48.456.149.009	16.472.214.148
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	654.475.920	654.477.281	1.361
<i>a. Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>79.243.639</i>	<i>79.245.000</i>	<i>1.361</i>

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỐ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
<i>b. Tiền gửi ngân hàng</i>	575.232.281	575.232.281	-
<i>c. Các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	21.026.234.541	36.363.125.224	15.336.890.683
<i>a. Các khoản phải thu</i>	25.363.480.577	36.363.125.224	10.999.644.647
<i>b. Dự phòng phải thu khó đòi</i>	(4.337.246.036)	-	4.337.246.036
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	7.556.599.275	8.691.921.379	1.135.322.104
5. Tài sản lưu động khác	2.746.625.125	2.746.625.125	-
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	425.819.139	425.819.139
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	(3.003.510.390)	-	3.003.510.390
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-
1. Tài sản cố định	-	-	-
Trong đó: Tài sản đầu tư bằng Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	(3.003.510.390)	-	3.003.510.390
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	(3.003.510.390)	-	3.003.510.390
2. Vật tư, hàng hóa tồn kho ứ đọng, kém mất phẩm chất	-	-	-
3. Tài sản lưu động khác	-	-	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	44.725.256.671	83.270.949.323	38.545.692.652
Trong đó:			-

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	47.728.767.061	83.270.949.323	35.542.182.262
E1. Nợ thực tế phải trả	14.016.409.690	27.371.046.641	13.354.636.951
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A – (E1+E2)]	33.712.357.371	55.899.902.682	22.187.545.311

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú tại thời điểm 31/12/2013 do DAS lập

2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 31/12/2013) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
	1	2	3= (1-2)
I. Tài sản cần dùng	56.305.904.509	29.511.491.693	26.876.121.578
1.1 Tài sản cố định hữu hình	27.978.672.983	14.735.318.656	13.243.354.327
Nhà cửa, vật kiến trúc	21.494.321.790	10.457.731.665	11.036.590.125
Máy móc thiết bị	4.407.236.079	2.810.649.288	1.596.586.791
Phương tiện vận tải	1.767.062.841	1.245.254.284	521.808.557
Thiết bị, dụng cụ quản lý	310.052.273	221.683.419	88.368.854
1.2 Tài sản cố định vô hình	40.854.381	40.854.381	81.708.762,00
1.3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	307.704.162	0	307.704.162
I. Tài sản không cần dùng	-	-	-

Nguồn: Hồ sơ XDGTĐN Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú tại thời điểm 31/12/2013

Các tài sản cố định cần dùng của Công ty gồm:

- **Nhà cửa, vật kiến trúc:** Chủ yếu là văn phòng làm việc và nhà xưởng của Công ty.
- **Máy móc thiết bị:** Chủ yếu là các máy móc phục vụ cho hoạt động xây dựng như xe cẩu, máy tiện, máy hàn, máy cắt và uốn tôn. Thiết bị quản lý chủ yếu phục vụ

cho công tác văn phòng và nhà xưởng.

- **Phương tiện vận tải:** Bao gồm các xe ô tô con và phương tiện di chuyển phục vụ công tác của CBCNV Công ty và phương tiện phục vụ cho công tác chế tạo sản phẩm.
- **Thiết bị, dụng cụ quản lý:** Chủ yếu là máy móc phục vụ cho công tác văn phòng như máy in, máy chiếu, máy lạnh, laptop...

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty không có tài sản không cần dùng và tài sản chờ thanh lý. Tuy nhiên, Công ty có tài sản hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng, điều chỉnh theo Thông tư 45 thì nguyên giá của khoản mục này là **3.849.076.098 đồng**.

Một số máy móc thiết bị sản xuất của Công ty đã được sản xuất từ rất lâu, một số đang trong tình trạng có năng suất kém, xuống cấp. Bên cạnh đó, Công ty cũng tự chế tạo các xe ô tô tải, máy chấn tole để giảm thiểu chi phí mua mới, tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh.

2. Diện tích các khu đất Công ty hiện đang quản lý, sử dụng

Căn cứ Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn– TNHH MTV để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú được giao quản lý và sử dụng lô đất Số 18 Đào trí, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, với diện tích 50.001m², Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường với mục đích xây dựng trụ sở văn phòng và Xưởng đóng tàu nên Tổ chức tư vấn định giá không xác định giá trị quyền sử dụng đất vào Giá trị Doanh nghiệp.

3. Thực trạng về tài chính và công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo Báo cáo tài chính kiểm toán thời điểm ngày 31/12/2013 như sau:

❖ **Vốn chủ sở hữu:** **30.708.846.981 đồng**

Trong đó:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 41.168.696.683 đồng
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản: 0 đồng
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái: 0 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 0 đồng
- Quỹ dự phòng tài chính: 188.840.319 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: (10.648.690.021) đồng
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 0 đồng

❖ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi:** **(3.140.480.390) đồng**

(Sau khi xác định giá trị doanh nghiệp số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú là 0 đồng)

❖ Các khoản phải thu:	18.022.724.151 đồng
▪ Phải thu ngắn hạn:	18.022.724.151 đồng
▪ Phải thu dài hạn:	0 đồng

Theo Biên bản xác định Giá trị Doanh nghiệp thời điểm 31/12/2013, Công nợ phải thu tăng thêm **11.118.622.147 đồng** bao gồm các khoản sau: “*Phải thu do chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Căn cứ theo công văn giải trình số 171/CV-AP ngày 03/07/2014 của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú, mức chi vượt Quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 136.970.000 đồng. Vì vậy, Khoản phải thu được điều chỉnh tăng 136.970.000 đồng.*

Trường hợp Phải thu hồi khoản chi vượt Quỹ lương: Theo số liệu báo cáo tài chính năm 2013, khoản chi vượt quỹ lương từ năm 2005-2010 của AN PHÚ là 10.981.652.147 đồng. Căn cứ theo Biên bản họp Ban chỉ đạo ngày 17/07/2014 điều chỉnh tăng Khoản phải thu từ Khoản chi vượt Quỹ lương.

Căn cứ Công văn số 691/TCĐN-CN ngày 29/08/2014 của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp khoản chi vượt Quỹ Khen thưởng, phúc lợi cho Viên chức quản lý và cán bộ công nhân viên đã nghỉ việc trước thời điểm quyết định cổ phần hóa là 3.003.510.390 đồng được xử lý từ khoản dự phòng.

*Tỷ lệ đối chiếu công nợ phải thu trên số dư nợ đạt **78,87%** tương ứng 28.679.580.016 đồng trên tổng dư nợ và công ty đã thực hiện giải trình các khoản chênh lệch và chưa đối chiếu được tại thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp.*

❖ Nợ phải trả:	14.016.409.690 đồng
▪ Nợ ngắn hạn:	13.716.409.690 đồng
▪ Nợ dài hạn:	300.000.000 đồng

Theo Biên bản xác định Giá trị Doanh nghiệp thời điểm 31/12/2013, Công nợ phải thu tăng thêm **13.354.636.951 đồng** bao gồm các khoản điều chỉnh sau:

- Tăng Khoản phải trả do xử lý chuyển khoản âm Quỹ lương và Quỹ khen thưởng, phúc lợi: **11.118.622.147 đồng**;
- Giảm Khoản phải trả do tài sản thừa chờ xử lý không xác định được nguyên nhân và đối tượng chi trả: **767.495.586 đồng**;
- Xử lý khoản âm Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho Viên chức quản lý và cán bộ công nhân viên đã nghỉ việc trước thời điểm quyết định cổ phần hóa là **3.003.510.390 đồng**.

Tỷ lệ đối chiếu công nợ phải thu trên số dư nợ đạt 92,93% tương ứng 25.435.317.179 đồng trên tổng dư nợ và công ty đã thực hiện giải trình các khoản chênh lệch và chưa đối chiếu được tại thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp.

4. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm ngày 30/08/2014 (thời điểm UBND TP. Hồ Chí Minh ban hành Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty), tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú là 146 người, trong đó cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	146	100%
- Trên đại học	2	1,37%
- Trình độ đại học	23	15,75%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	18	12,33%
- Trình độ khác	103	70,55%
Phân theo loại hợp đồng lao động	146	100%
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	4	2,74%
- Hợp đồng không thời hạn	103	70,55%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	15	10,27%
- Hợp đồng thời vụ	24	16,44%
Phân theo giới tính	146	100%
- Nữ	6	4,11%
- Nam	140	95,89%

3. Những vấn đề đang tiếp tục xử lý

- Đối với các khoản tạm ứng, công nợ phải thu, phải trả chưa thực hiện đối chiếu, xác nhận xong, Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú chịu trách nhiệm tiếp tục đốc thúc thực hiện đối chiếu, xác nhận theo như đã cam kết. Đến thời điểm quyết toán vốn nhà nước chính thức chuyển sang công ty cổ phần nếu Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú chưa bổ sung đối chiếu hoặc chưa xử lý xong các khoản nợ này, sẽ thực hiện quyết toán và điều chỉnh giá trị vốn nhà nước theo quy định;
- Đối với tài sản trong danh mục Tài sản không cần dùng, Công ty có trách nhiệm theo dõi và lưu hồ sơ cho đến khi có quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa, bàn giao các hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản nói trên cho Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên theo quy định tại điểm 2, Điều 14, Nghị định 59/2011/NĐ-CP.

III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

1.1 Cơ cấu Doanh thu và lợi nhuận

Cơ cấu doanh thu thuần theo hoạt động 03 năm trước cổ phần hóa (theo số liệu của Biên bản kiểm tra BCTC năm 2011, năm 2012 và BCTC năm 2013 đã kiểm toán):

Khoản mục	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Dịch vụ sửa chữa	39.607	65,11%	18.701	55,33%	22.994	55,43%
Đóng mới tàu	20.749	34,11%	14.250	42,16%	18.489	44,57%
Doanh thu khác	473	0,78%	189	0,56%	-	0,00%
Tổng cộng	60.829	100%	33.140	100%	41.483	100%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú

Cơ cấu lợi nhuận gộp theo hoạt động 03 năm trước cổ phần hóa (theo số liệu của Biên bản kiểm tra BCTC năm 2011, 2012 và 2013 đã kiểm toán):

Khoản mục	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Dịch vụ sửa chữa	5.332	77,17%	2.197	-333,89%	4.757	74,95%
Đóng mới tàu	4.071	58,92%	729	-110,79%	1.590	25,05%
Lợi nhuận gộp khác	-2.494	-36,10%	-3.584	544,68%	-	-
Tổng cộng	6.909	100%	-658	100%	6.347	100%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú

Nhìn chung doanh thu và lợi nhuận của Công ty giai đoạn 2011 – 2013 có sự sụt giảm trong các năm qua. Nguyên nhân chủ yếu là do tình hình khó khăn chung của nền kinh tế trong nước, đồng thời một số công trình thi công xong nhưng việc thu hồi vốn rất chậm.

Năm 2012, Công ty đối mặt với hàng loạt những thách thức khi đơn đặt hàng sản phẩm/dịch vụ sụt giảm, lại chịu ảnh hưởng mạnh của biến động giá cả nguyên vật liệu dẫn

đến tình hình lợi nhuận năm 2012 không được tốt. Sang năm 2013, cùng với những dấu hiệu tích cực của thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú cũng trở nên ổn định hơn so với năm 2012.

1.2 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu:

Đối với hoạt động đóng mới và sửa chữa phương tiện biển, nguồn nguyên liệu chủ yếu để sản xuất sản phẩm gồm có thép tấm, thép hình, thép góc, thép ống, sắt tròn các loại và các nguyên vật liệu phụ như que hàn (dây hàn) các loại, Oxy, gas, acetylene, sơn, nhớt,...Nguồn cung ứng nguyên vật liệu của Công ty khá đa dạng bao gồm:

- Oxy, gas, sơn: Công ty Hơi kỹ nghệ Que Hàn, Công ty Tân Gia Định, Công ty Gas Thanh Bình, Công ty Sơn Thế hệ mới;
- Tole sắt thép: Công ty CP Kim khí TP.HCM;
- Que hàn: Công ty Phát triển Tân Nam Đô.

Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu:

Nhìn chung, thị trường các yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất của Công ty khá phong phú. Công ty có điều kiện lựa chọn đơn vị cung cấp nguyên vật liệu trên cơ sở chào giá cạnh tranh, do đó góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã là đơn vị hoạt động có thâm niên trong lĩnh vực đóng, sửa chữa phương tiện biển và mua bán vật tư phụ tùng, do đó Công ty đã sớm thiết lập được mối quan hệ uy tín và khăng khít với các nhà cung ứng đảm bảo sự ổn định và phát triển lâu dài của Công ty.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Do đặc thù trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty. Do đó, khi giá cả nguyên vật liệu biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, khi giá cả nguyên vật liệu tăng cao kéo theo gia tăng giá thành sản phẩm, giảm sức cạnh tranh gây ra không ít khó khăn cho kết quả kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty sớm thiết lập các mối quan hệ với các nhà cung ứng uy tín trên thị trường nên có nguồn cung ổn định và được mua với giá gốc, được thanh toán trả chậm không tính lãi suất ngân hàng góp phần hạn chế những tác động tiêu cực của sự biến động giá cả nguyên vật liệu gây ra.

1.3 Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa như sau (theo số liệu của Biên bản kiểm tra BCTC của Tổng Công ty và Chi cục Tài chính doanh nghiệp năm 2011, năm 2012 và BCTC năm 2013 đã kiểm toán):

Khoản mục	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (Triệu đồng)	% Tổng doanh thu	Giá trị (Triệu đồng)	% Tổng doanh thu	Giá trị (Triệu đồng)	% Tổng doanh thu
Giá vốn bán hàng	53.920	87,80%	33.798	90,96%	35.136	80,36%
Chi phí tài chính	191	0,31%	191	0,51%	707	1,62%
Chi phí bán hàng	556	0,91%	311	0,84%	34	0,08%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.491	8,94%	12.265	33,01%	5.251	12,01%
Chi phí khác	172	0,28%	868	2,34%	484	1,11%
Tổng cộng	60.330	98,24%	47.433	127,66%	41.612	95,17%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú

Nhìn chung, tổng chi phí của Công ty chiếm tỷ trọng cao trên tổng doanh thu trong 3 năm: 2011, 2012, 2013. Trong đó, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất (trên 80% trên tổng doanh thu), tiếp theo là chi phí quản lý doanh nghiệp dao động từ 9%-12% trên tổng doanh thu. Riêng năm 2012 chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 33,01% trên tổng doanh thu nguyên nhân là do Công ty đã thực hiện trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi đã phát sinh từ những năm 1995-1996. Trong thời gian tới, Công ty cần kiểm soát chi phí chặt chẽ hơn nữa để gia tăng hiệu quả hoạt động SXKD.

1.4 Trình độ công nghệ

Công ty thuộc nhóm doanh nghiệp có trình độ công nghệ trung bình. Các máy móc, phương tiện vận tải phục vụ thi công của Công ty hầu hết là máy cũ, một số là tự chế. Hiện tại Công ty được trang bị một lượng máy móc, thiết bị chuyên dụng như:

- 01 Bộ túi khí kéo hạ thủy tàu theo công nghệ mới nhất;
- Một cầu tàu dài 50m có thể neo tàu có trọng tải 5000T (không chở hàng);
- Ụ chìm phục vụ sửa chữa tàu đến 3000T;
- Thiết bị hàn, cắt kim loại trong ngành đóng tàu;
- Cần cẩu American có sức nâng 20T/cầu;
- Cần cẩu Kato Nhật sức nâng 20T;
- Máy cắt do Đức sản xuất cắt tole chiều dày 16mm x 3000mm;
- Máy chấn tole thủy lực 250T do Nhật sản xuất chiều dày tole chấn 12mm dài 3000mm;
- Máy uốn tole đường kính uốn $\varnothing 200$ mm dày 10mm;

- Máy phun cát $Q=12\text{m}^3/\text{h}$; $P=8\text{kg}/\text{cm}^2$;
- Máy phun sơn 45:1; Máy phun nước áp lực cao;
- Máy tiện gia công trục chân vịt $L=7\text{m}$, $D=450\text{mm}$;
- Thiết bị đo chiều dày tole do Mỹ sản xuất;
- Các máy, thiết bị chuyên dụng trong ngành đóng tàu khác.

1.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Lĩnh vực Công ty hoạt động chủ yếu là đóng tàu, sửa chữa phương tiện thủy, do đó Công ty rất chú trọng vào công tác cải tiến mẫu mã, chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Bên cạnh đó, Công ty từng bước đẩy mạnh thiết lập các mối quan hệ, xúc tiến đàm phán mở rộng lĩnh vực kinh doanh và thị trường về việc đóng mới tàu khách, tàu du lịch cho các công ty nước ngoài.

1.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm /dịch vụ

Là một trong những đơn vị được hình thành và hoạt động sớm nhất sau năm 1975 trong lĩnh vực đóng tàu ở Miền Nam. Do đó, Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của chất lượng sản phẩm đồng thời không ngừng hoàn thiện chính sách chất lượng Công ty đề ra:

- ✓ Khách hàng là trung tâm;
- ✓ Chất lượng sản phẩm là yếu tố hàng đầu;
- ✓ Đảm bảo thời gian giao hàng;
- ✓ Giá cả cạnh tranh.

Chính sách chất lượng được đề ra như sự cam kết của Công ty trong việc đáp ứng ngày càng tốt hơn sự mong đợi của khách hàng. Chính sách chất lượng của Công ty được truyền đạt, thấu hiểu và duy trì trong toàn thể CBCNV của Công ty. Chính sách chất lượng nhằm hướng tới mục tiêu chất lượng của Công ty là phục vụ lợi ích và nhu cầu của khách hàng, đảm bảo các sản phẩm của mình thỏa mãn mọi yêu cầu quốc gia và quốc tế liên quan.

Bên cạnh đó, Công ty được đánh giá là nhà máy có đủ năng lực đóng mới và sửa chữa Tàu biển của Cục đăng Kiểm Việt Nam và ngày càng hoàn thiện Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

1.7 Hoạt động Marketing

Uy tín của Công ty được xây dựng chủ yếu nhờ vào chất lượng sản phẩm, dịch vụ Công ty cung cấp và kinh nghiệm trong các năm qua. Hơn nữa, Công ty tách hẳn một Phòng Kinh doanh chuyên trách công việc Marketing dịch vụ và hình ảnh Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty xúc tiến hoạt động nghiên cứu thị trường, thường xuyên liên hệ và quan tâm đến khách hàng truyền thống. Đồng thời, Công ty có ý định mở rộng thị phần ở khu vực miền Trung về sản phẩm tàu lai dặt và tàu dịch vụ. Trong năm 2012, Công ty đã đóng và bàn giao 03 tàu kéo hoạt động tại Cảng Vân Phong.

Dự kiến sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa hoạt động marketing để mở rộng thị trường.

1.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hoạt động trong lĩnh vực đóng và sửa chữa tàu, phương tiện thủy, Công ty đã đăng ký Logo nhãn hiệu thương mại độc quyền. Đây được nền tảng để Công ty quảng bá hình ảnh sâu rộng đến với các đối tác. Hiện Công ty đang sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của Công ty:



1.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên Dự án	Thời điểm ký hợp đồng	Giá trị (đồng)
1	Đóng mới hai tàu mới 128 tuer cho Công ty TNHH TM DV Giang Nam	Năm 2014	7.000.000.000
2	Công ty ký hợp đồng đóng mới 02 ponton với Công ty TNHH MTV Công trình cầu phà TPHCM	Năm 2014	20.000.000.000

Nguồn: Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú

2. Vị thế của Công ty trong ngành

Vị thế của Công ty trong ngành

Với uy tín và kinh nghiệm hoạt động trong ngành, cùng với phân khúc thị trường chủ yếu phục vụ khách hàng tư nhân trong nước, Công ty đã tận dụng được tối đa vị trí thuận lợi và sự đa dạng trong sản phẩm nên được thị trường đánh giá cao.

Bên cạnh đó, Công ty tự đầu tư túi khí kéo tàu, nâng cấp mặt bằng và trang bị thêm máy hàn bán tự động nhằm mục đích nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng từng bước tăng ưu thế cạnh tranh và khẳng định vị thế trong ngành.

Triển vọng phát triển của ngành

Với công cuộc Công nghiệp hóa- Hiện đại hóa, các ngành Công nghiệp phụ trợ như thép, tự động hóa, hàn,... ngày càng được chú trọng nên ngành đóng tàu có đủ điều kiện để phát triển thành ngành kinh tế mạnh.

Trước tình hình tranh chấp trên Biển Đông, tinh thần “bám Biển” và ý thức bảo vệ chủ quyền Biển đảo được nâng cao hơn bao giờ hết. Nhu cầu về tàu kiểm ngư, tàu đánh bắt của bà con vùng biển cũng tăng lên. Tuy nhiên, đóng mới tàu đòi hỏi nguồn vốn khá lớn gây không ít khó khăn cho các đối tượng có nhu cầu. Với chính sách hỗ trợ và khuyến khích của Chính phủ nhằm tạo điều kiện để các thành phần kinh tế khác cùng tham gia vào lĩnh vực này, hứa hẹn mở ra một cơ hội phát triển cho ngành Đóng tàu.

Trong tương lai, Việt Nam đẩy mạnh phát triển kinh tế biển kể cả du lịch biển- đảo và khai thác các sản phẩm từ Biển để đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, vì vậy lượng tàu khách, du thuyền và tàu đánh bắt sẽ tăng nhanh đáng kể đưa đến một hướng phát triển đầy mạnh mẽ cho Ngành.

Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Trước tiềm năng phát triển của ngành, Công ty xây dựng mục tiêu, chiến lược cụ thể tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác tích cực các nguồn lực, vật liệu nhằm nâng cao kết quả hoạt động.

Thêm vào đó, Công ty cũng đưa ra mục tiêu cho mình là giữ vững các hợp đồng đang thực hiện trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, đồng thời tìm kiếm các hợp đồng sản xuất mới và cơ hội hợp tác đầu tư các dự án.

Những chính sách quan tâm kịp thời và phù hợp của Nhà nước đối với ngành cùng với tiềm năng phát triển của xã hội sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các công ty hoạt động trong ngành nói chung và Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú nói riêng.

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

Số liệu chi tiết được tóm tắt ở bảng dưới:

DVT: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Vốn Chủ sở hữu	42.453.295.909	30.708.846.981	29.543.139.143
1.1	Vốn chủ sở hữu	42.453.295.909	30.708.846.981	29.543.139.143
1.2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-
2	Nợ phải trả	4.297.622.319	3.485.872.576	14.016.409.690
2.1	Nợ ngắn hạn	4.297.622.319	3.485.872.576	13.716.409.690
	Trong đó: nợ quá hạn		-	-
2.2	Nợ dài hạn	-	-	300.000.000
	Trong đó: nợ quá hạn		-	-
3	Nợ phải thu	21.106.751.339	16.107.517.702	18.022.724.151

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
3.1	Phải thu ngắn hạn	21.106.751.339	16.107.517.702	18.022.724.151
	Trong đó: nợ quá hạn			
3.2	Phải thu dài hạn	-	-	-
	Trong đó: nợ quá hạn			
4	Tổng số lao động (người)	311	222	152
5	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng	5.027.000	4.940.00	6.150.000
6	Doanh thu thuần	60.828.755.152	33.140.246.191	41.482.595.182
7	Tổng chi phí	60.331.410.360	47.432.699.841	41.611.713.440
8	Tổng tài sản	46.750.918.228	33.029.011.719	44.725.256.671
9	Lợi nhuận trước thuế	1.852.764.972	-10.275.440.495	2.112.065.774
10	Lợi nhuận sau thuế	1.710.846.170	-10.275.440.495	2.112.065.774
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn Chủ sở hữu (ROE)	4,18%	-28,09%	7,01%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú

Một số chỉ tiêu tài chính các năm trước cổ phần hóa của Công ty:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	7,6	5,76	2,11
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	5,71	5,2	1,56
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn	Lần	0,09	0,11	0,31
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,1	0,11	0,47
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,63	17,25	4,65
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,3	1	0,93
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	2,88	2,06	2,3
Vòng quay khoản phải trả	Vòng	14,15	9,51	2,96
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,81%	-31,01%	5,09%

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,18%	-28,09%	7,01%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,66%	-31,11%	4,72%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	1,33%	-40,30%	0,87%

Trong giai đoạn 2011 – 2013, Cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng thiên về nợ nhiều hơn. Việc sử dụng nợ sẽ giúp Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú tận dụng được lợi ích từ đòn bẩy, tuy nhiên Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú cần có chiến lược và chính sách quản lý nợ một cách hợp lý và chủ động để giảm áp lực từ việc thanh toán lãi vay và nguy cơ kiệt quệ tài chính.

Hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán hiện hành của Công ty có xu hướng giảm mạnh vào năm 2013, nguyên nhân là do Công ty cần vốn để thực hiện một số đơn hàng mới, vì vậy đã vay nợ từ Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn- TNHH MTV. Bên cạnh đó, do đặc thù ngành nghề của Công ty cũng như ảnh hưởng từ sự khó khăn nhất định, nên thời gian quay vòng vốn của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú khá dài mặc dù đã có sự cải thiện.

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động kinh doanh, một số yếu tố chi phí của Công ty, trong đó chủ yếu là giá vốn hàng bán tăng mạnh dẫn đến Lợi nhuận sau thuế của công ty sụt giảm, vì vậy tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần giai đoạn 03 năm trước cổ phần hoá cũng giảm. Sau năm 2012 hoạt động không hiệu quả, Công ty đã có sự cải thiện đạt hiệu quả vào năm 2013.

4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

Trong quá trình hoạt động, Công ty chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan trong đó có nhiều yếu tố tác động thuận lợi đến quá trình hoạt động nhưng cũng có không ít yếu tố gây khó khăn cho việc kinh doanh của Công ty.

Thuận lợi

- + Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ lớn từ công ty mẹ, Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn, trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty có nhiều thuận lợi khi thực hiện các dự án.
- + Công ty có kinh nghiệm lâu năm trong công tác đóng tàu, đóng phà và khả năng đa dạng hóa các loại sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng như đóng mới phao nổi (dạng tròn) cho các công ty Hàng hải, bồn chứa dầu 500m³,...
- + Tập thể cán bộ công nhân viên Công ty là đội ngũ lao động kinh nghiệm lâu năm, đoàn kết, yêu nghề, tận tụy trong công việc, luôn học hỏi kinh nghiệm trong thực tế để áp dụng vào công việc một cách khoa học, hợp lý giúp nâng cao

hiệu quả và chất lượng công việc. Đây chính là nguồn lực chính giúp Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- + Công ty có vị trí thuận lợi cho việc tiếp nhận: công nghệ, quan hệ đối tác.

 Khó khăn

- + Khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam trong các năm qua như: chính sách đầu tư công cắt giảm, tiền tệ thắt chặt, lãi vay ngân hàng cao,... đã ảnh hưởng không nhỏ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- + Hạ tầng cơ sở như Ụ chìm, mặt bằng, nhà xưởng và máy móc trang thiết bị, công cụ dụng cụ sản xuất quá cũ và đang xuống cấp tác động trực tiếp đến năng suất lao động.
- + Khả năng thu hút các khách hàng nước ngoài chưa được tốt vì khả năng cạnh tranh của ngành Đóng tàu ở Việt Nam chưa mạnh mẽ như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU.

PHẦN V:
PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN,
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
SAU CỔ PHẦN HÓA

I. TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN

- ❖ Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU AN PHÚ**
- ❖ Tên tiếng Anh : **AN PHU SHIPBUILDING CORPORATION**
- ❖ Tên viết tắt : **A.P.S.C**
- ❖ Trụ sở chính : **18 Đào Trí, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh**
- ❖ Điện thoại : **(08) 37.733.072**
- ❖ Fax : **38.733.038**
- ❖ Website : **www.dongtauanphu.com.vn**
- ❖ E-mail : **tochuc@dongtauanphu.com.vn**

II. VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

▪ **Vốn điều lệ**

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đóng tàu An Phú được xác định như sau:

- Vốn điều lệ Công ty cổ phần : 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng
- Số lượng cổ phần : 6.000.000 cổ phần

▪ **Cơ cấu vốn điều lệ**

Cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần dự kiến như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước	2.940.000	29.400.000.000	49%
2	Cổ đông CBCNV mua ưu đãi	246.900	2.469.000.000	4,11%

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
2.1	- Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	185.700	1.857.000.000	3,09%
2.2	- Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	61.200	612.000.000	1,02%
3	Công đoàn công ty	-	-	-
4	Bán cho Cổ đông chiến lược	1.406.350	14.063.500.000	23,44%
5	Cổ đông mua cổ phần thông qua đấu giá	1.406.750	14.067.500.000	23,45%
	Tổng cộng	6.000.000	60.000.000.000	100,00%

2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0301079268 đăng ký lần đầu ngày 18/05/2006 và ký thay đổi lần thứ 7 ngày 01/08/2014:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Đóng mới phương tiện vận tải thủy.	3011 (Chính)
2	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy (không hoạt động tại trụ sở).	3315
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đóng tàu.	4669
4	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm công nghiệp khác bao gồm: Gia công cắt, bẻ, uốn tole; gia công cơ khí thiết bị động lực; gia công sản phẩm kết cấu thép (Không hoạt động tại trụ sở).	2599
5	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển (không hoạt động tại trụ sở). Sửa chữa phao tiêu, biển báo đảm bảo an toàn hàng hải (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312

STT	Tên ngành	Mã ngành
6	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn đông Chi tiết: Thu gom, vận chuyển cặn dầu thô, chất thải nhiễm dầu từ vệ sinh tàu dầu và giàn khoan (không hoạt động tại trụ sở)	5012
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến. Bán buôn xi măng. Bán buôn kính xây dựng. Bán buôn sơn, vecni. Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn đồ ngũ kim. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
8	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3320
9	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây lắp công nghiệp nhà kho, nhà xưởng	4100
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn vật tư, phụ tùng, phụ kiện, máy móc, thiết bị phương tiện vận tải thủy, thiết bị công nghiệp tàu thủy. Bán buôn phụ tùng máy công nghiệp.	4659
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Dịch vụ vệ sinh tàu biển.	5222
12	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu; cho thuê máy móc, thiết bị công nghiệp.	7730
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển	5229
14	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất, chế tạo: Sản phẩm composite, nhựa tổng hợp; vỏ tàu, dụng cụ cứu sinh, cứu hỏa, dụng cụ vệ sinh bằng composite- nhựa tổng hợp; bồn đựng nước, bồn chứa hóa chất bằng composite- nhựa tổng hợp (không hoạt động tại trụ sở)	2013
15	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí Chi tiết: Sản xuất, chế tạo cano (không hoạt động tại trụ sở)	3012
16	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Hoạt động vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của tàu, salan, lash (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	
19	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán).	7020
20	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế phương tiện thủy nội địa.	7410
21	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Chế tạo kết cấu thép, nhà xưởng (không hoạt động tại trụ sở)	2511

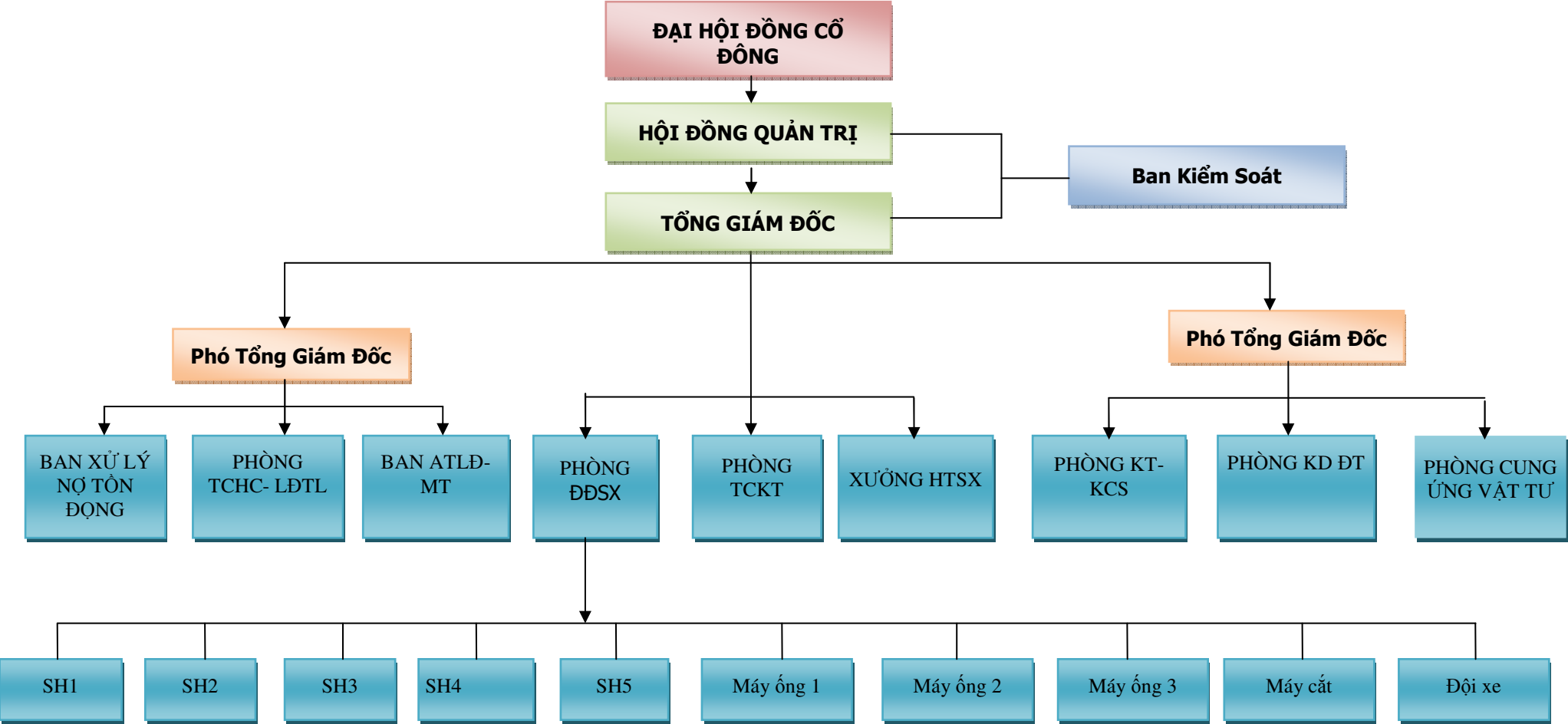
3. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty

Công ty Cổ phần Đóng tàu An Phú hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- 08 Phòng Ban chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế toán - Tài chính, Phòng Kinh doanh- Đầu tư, Phòng Kỹ thuật - KCS, Phòng cung ứng vật tư; Phòng điều độ sản xuất, ban An toàn lao động , Ban xử lý tồn đọng và Xưởng hỗ trợ sản xuất.

Sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần, mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần Đóng tàu An Phú được thể hiện ở sơ đồ sau:



4. Chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư và phương án sản xuất kinh doanh

4.1 Chiến lược phát triển

Sau khi chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú đặt ra các mục tiêu cơ bản như sau cho chiến lược phát triển của Công ty:

- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các chủ đầu tư, nhà thầu, tư vấn...và các công ty liên doanh, liên kết tạo khối vững mạnh đủ sức tham gia vào các dự án lớn trên cơ sở các bên cùng phát triển cùng có lợi, tạo thị trường ổn định trong sản xuất kinh doanh.
- Chú trọng lực lượng lao động chất lượng cao, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động. Áp dụng công nghệ thông tin vào điều hành và quản lý hợp lý nhằm cải thiện môi trường làm việc để tăng năng suất lao động.
- Hướng tới sự thu hút và tập trung các nguồn vốn xã hội: phát hành thêm cổ phiếu, mở rộng bán cổ phần cho các chủ sở hữu trong và ngoài doanh nghiệp, đồng thời cho phép khai thác được nguồn vốn nội bộ một cách hiệu quả.

4.2 Kế hoạch đầu tư

Sau khi chuyển sang mô hình mới, Công ty sẽ nỗ lực đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và chú trọng đầu tư cải tạo mặt bằng kéo tàu bằng túi khí, mua sắm túi khí, dụng cụ sản xuất, nâng cấp trang thiết bị an toàn, cải thiện môi trường lao động, sửa chữa ụ tàu. Thực hiện tiếp dự án đầu tư xây dựng khu vực đóng tàu cao cấp, tàu khách. Từng bước thay thế trang thiết bị cũ kỹ lạc hậu để hiện đại hóa nhà máy.

4.3 Cơ hội và thách thức

❖ Cơ hội

- Trong những năm qua, kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng khá và ổn định, trung bình từ 5% - 6%/năm, quan hệ tương tác giữa cải cách trong nước, đặc biệt là cải cách thể chế kinh tế với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã trở nên chặt chẽ hơn. Dù hiện nay Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn lẫn thách thức do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế, tuy nhiên Chính phủ Việt Nam đã đưa ra nhiều giải pháp, chính sách nhằm tái cơ cấu nền kinh tế, duy trì mục tiêu tăng trưởng GDP.
- Đường lối tiếp tục đổi mới của Đảng và Nhà nước sẽ tạo điều kiện và cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng có điều kiện để cạnh tranh và phát triển.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam đã phát triển hơn 10 năm sẽ tạo cơ hội cho Công ty trong việc huy động vốn, tài trợ cho các dự án sản xuất đầu tư, chủ động hơn trong nguồn vốn kinh doanh.
- Phát huy những thành quả và bài học kinh nghiệm của những năm hình thành và phát triển, dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty sẽ tạo nên một mô hình và

diện mạo mới, thế và lực mới trên thị trường.

❖ **Thách thức**

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó dự đoán được kèm theo đó là những hậu quả nặng nề của thiên tai tạo nên những mất cân đối khó lường trước.
- Xu hướng hội nhập kinh tế thế giới cùng việc thực thi các cam kết khi gia nhập WTO tạo ra nhiều áp lực, việc biến động giá xăng dầu trong nước và sự mất ổn định của thị trường nước ngoài vẫn còn ẩn chứa nhiều rủi ro đến sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam.

4.4 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh các năm trước cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, định hướng phát triển kinh tế - xã hội Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020, chiến lược phát triển Công ty sau cổ phần hóa nêu trên, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 - 2017 với các chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014 ¹	2015	2016	2017
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	41.168	60.000	60.000	60.000
2	Tổng số lao động	Người	146	144	144	144
3	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	13.000	14.000	16.100	19.320
4	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Ng.đồng	6.800	8.100	9.300	11.100
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	55.000	61.000	70.150	84.180
6	Tổng chi phí	Tr.đồng	53.037	58.684	67.139	79.965
7	Lợi nhuận thực hiện	Tr.đồng	1.963	2.316	3.011	4.215
8	Lợi nhuận thực hiện/Vốn điều lệ	%	4,77%	3,86%	5,02%	7,03%
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	1.531	1.737	2.258	3.161
10	Lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ	%	3,72%	2,90%	3,76%	5,27%
11	Trích lập các quỹ	Tr.đồng		348	452	632

¹ Năm 2014, Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014 ¹	2015	2016	2017
	- Quỹ dự phòng tài chính (5%/Lợi nhuận sau thuế)	Tr.đồng		87	113	158
	- Quỹ đầu tư phát triển (10%/Lợi nhuận sau thuế)	Tr.đồng		174	226	316
	- Quỹ khen thưởng, Phúc lợi (5%/Lợi nhuận sau thuế)	Tr.đồng		87	113	158
13	Lợi nhuận sau thuế để chi cổ tức	Tr.đồng		1.389,60	1.806,40	2.528,80
14	Cổ tức/Vốn điều lệ	%		2,32%	3,01%	4,21%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đóng tàu An Phú

Ghi chú: Lợi nhuận sau thuế được tính trên cơ sở Chính phủ giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ ngày 01/01/2014, cụ thể là tỷ suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% cho năm 2014, 2015 và 20% cho năm 2016, 2017.

5. Biện pháp thực hiện

Để thực hiện các chỉ tiêu trên, Công ty sẽ tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

5.1. Về vốn:

- Công ty tích cực phân loại, thu hồi nợ, xử lý quyết liệt các đơn vị, cá nhân có tình chiếm dụng; Tập trung hoàn thành các sản phẩm dở dang để đẩy nhanh vòng quay tiền; Tranh thủ nguồn vốn ứng trước của khách hàng; Tìm các nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng hoặc cá nhân; Xử lý các khoản thuế, phải nộp Ngân sách nhà nước và phải trả cho người lao động thông qua những nguồn vốn có thể huy động.

5.2. Về bộ máy, cơ chế hoạt động, Quy chế, quy định:

- Nâng cao năng lực hoạt động của các Phòng ban; Đặt mục tiêu ngày càng hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; Tổ chức điều hành Công ty theo hướng tập trung.
- Rà soát lại các quy chế, quy định, định mức một cách chắc chắn nhưng vẫn có cơ chế động viên, tạo điều kiện giúp người lao động hoạt động hiệu quả và hăng say.

5.3. Về đầu tư và kinh doanh

- Công ty nỗ lực đầu tư cải tạo mặt bằng kéo tàu, bằng túi khí, nâng cấp trang thiết bị an toàn, cải thiện môi trường lao động, sửa chữa ụ tàu,...
- Không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút khách hàng bằng sự tận tâm, thái độ phục vụ nhiệt tình, tiện lợi nhanh chóng, chất lượng sản phẩm tốt, không ngừng tìm cách hạ chi phí để để giá cạnh tranh nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận và chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng.

PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên Công ty, các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

2. Cổ phần bán cho CBCNV

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

2.1. Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 30/08/2014 (thời điểm UBND TP. HCM công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú để cổ phần hóa) là: 146 người;
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 114 người;
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 1.857 năm.
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là 185.700 cổ phần với tổng mệnh giá là 1.857.000.000 đồng chiếm 3,10% vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá cổ phần công khai ra công chúng.
- Giá bán: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.
- Danh sách CBCNV mua cổ phiếu theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước theo Phụ lục đính kèm.

2.2. Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công*”.

thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”).

Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011: “2. Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau:

a) Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.”

Công ty có 31 CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là 61.200 cổ phần, tương ứng tổng mệnh giá là 612.000.000 đồng chiếm 1,02% vốn điều lệ công ty cổ phần. Trong đó, số cổ phần mà người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đăng ký mua là 59.000 cổ phần.

Tiêu chí xác định người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao, cụ thể:

I/ Về năng lực chuyên môn:

- 1) Chức vụ nắm giữ tại Công ty: Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc, Trưởng phòng, Phó phòng, ban, xưởng;
- 2) Là đội ngũ chuyên viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong công tác tham mưu cho lãnh đạo công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh;
- 3) Là nhân viên có kỹ năng chuyên môn vượt trội đồng nghiệp, trong công việc luôn đạt kết quả chính xác, tinh thông nghiệp vụ, am tường công việc đang làm, có thời gian làm việc tại Công ty tính đến ngày 30 tháng 08 năm 2014 đủ từ 1 năm trở lên;
- 4) Những người công nhân có bậc thợ hiện đang giữ từ bậc 4 trở lên;

III/ Về sức khỏe: Có sức khỏe tốt để làm việc tại Công ty ít nhất 3 năm trở lên;

III/ Về tuổi đời:

- 1) Đối với nam tính đến ngày 30 tháng 08 năm 2014 không quá 55 tuổi;
- 2) Đối với nữ tính đến ngày 30 tháng 08 năm 2014 không quá 50 tuổi.

Các tiêu chí này đã được thảo luận và thống nhất tại Đại hội công nhân viên chức bất thường tổ chức ngày 24/09/2014.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá cổ phần công khai ra công chúng.

Giá bán: Bằng giá đấu thành công thấp nhất.

Danh sách đăng ký mua cổ phần với giá ưu đãi theo cam kết thời gian làm việc tại Công ty cổ phần theo Phụ lục đính kèm.

2.3. Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn

Tổ chức Công đoàn của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú không đăng ký mua cổ phần.

2.4. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư chiến lược như sau:

- Tổ chức bán đấu giá 1.406.350 cổ phần với tổng mệnh giá là 14.063.500.000 đồng, chiếm 23,44% vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Thời gian bán đấu giá: Dự kiến tháng 12/2014 sau khi có Quyết định của UBND TP.Hồ Chí Minh phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú.
- Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì “Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm”. Dựa trên quy định này, Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú xây dựng các tiêu chí để lựa chọn nhà đầu tư chiến lược kính trình Ban chỉ đạo xem xét và trình UBND Thành phố phê duyệt như sau:
 - Là nhà đầu tư trong nước, có thời gian hoạt động tối thiểu 5 năm, có chức năng ngành nghề phù hợp với lĩnh vực sản xuất kinh doanh và phương án hoạt động kinh doanh sau cổ phần hóa của Công ty;
 - Có uy tín thương hiệu trong các lĩnh vực hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh;
 - Có kinh nghiệm quản trị và điều hành, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị theo giấy đăng ký kinh doanh;
 - Có năng lực về tài chính cụ thể: Tính tới 31/12/2013, vốn chủ sở hữu trên 120 tỷ đồng. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (đã được kiểm toán) không lỗ trong năm 2013 và không có lỗ lũy kế; tổng số nợ vay trên vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 không vượt quá 30% mức vốn chủ sở hữu;
 - Có nhiều lợi thế tương đồng về nguồn lực, đất đai, nhà xưởng, vị trí địa lý, nhân lực, sản phẩm, công nghệ,... Nhà đầu tư chiến lược sẵn sàng hỗ trợ, kết nối cùng phát triển lâu dài với doanh nghiệp cổ phần hóa sau này;
 - Có cam kết bằng văn bản đem lại lợi ích lâu dài và gắn bó tối thiểu 5 năm với Công ty; hỗ trợ Công ty sau khi cổ phần hoá về chuyển giao công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, tiếp tục hợp tác đầu tư, phát triển thị trường;

Trên cơ sở xét duyệt các tiêu chí nêu trên và sau khi làm việc với các đối tác, Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú lựa chọn và đề xuất **Công ty Cổ phần Caric (CARIC)** là nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần lần đầu, thông tin về CARIC như sau:

- Giấy CNĐKDN số: 0300380289 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17/05/2013;
- Người đại diện theo pháp luật: Mai Văn Trí Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: 16 Đào Trí, P. Phú Thuận, Quận 7, Tp.HCM
- Điện thoại: (84 8) 37853332 Fax: (08 8) 37852638
- Vốn điều lệ: 145.600.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm tỷ sáu trăm triệu đồng*)
- Ngành nghề kinh doanh chính: CARIC hoạt động trong lĩnh vực Đóng tàu và cấu kiện nội cụ thể là chế tạo phương tiện vận tải thủy, máy và thiết bị cho ngành công nghiệp, nông nghiệp và phụ tùng thay thế; Xây dựng công nghiệp: các loại nhà xưởng, nhà kho, các kết cấu thép như khung Zamil, các loại khung có khẩu độ khác nhau; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư các loại ngành cơ khí – xây dựng;...
- Công ty Cổ phần Caric được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Caric được thành lập năm 1887, với kinh nghiệm hoạt động và năng lực quản trị trong lĩnh vực đóng tàu và chế biến phương tiện thủy có thể gắn bó, hỗ trợ và hợp tác phát triển với Công ty cổ phần;
- Tính đến thời điểm 31/12/2013, CARIC có vốn chủ sở hữu là 146.207.719.275 đồng. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 (được kiểm toán bởi công ty Kiểm toán Tâm Việt) đạt hiệu quả 607.719.275 đồng và không có lỗ lũy kế; Tại thời điểm 31/12/2013, CARIC có tổng số nợ vay là 10.700.000.000 đồng chiếm 7,32% trên Vốn chủ sở hữu.
- CARIC cam kết gắn bó lâu dài và sẵn sàng hỗ trợ công ty sau khi cổ phần hóa về chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, tiếp tục hợp tác đầu tư, phát triển thị trường,...
- Số cổ phần đăng ký mua: **1.406.350 cổ phần** (*Một triệu bốn trăm lẻ sáu ngàn ba trăm năm mươi cổ phần*)

▪ ***Giá cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược:***

Theo quy định tại Tiết đ, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì: “*Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo nguyên tắc:*

- Đối với trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

- Đối với trường hợp thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược có đủ tiêu chuẩn và đã thực hiện đăng ký mua trước khi thực hiện đấu giá công khai là giá thỏa thuận giữa các bên (trường hợp thỏa thuận) hoặc là giá đấu thành công (đối với

trường hợp đấu giá) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt.”

Nhà đầu tư chiến lược của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú đăng ký mua cổ phần sau khi thực hiện bán đấu giá công khai. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa sẽ thỏa thuận trực tiếp giá bán cổ phần với các nhà đầu tư chiến lược, đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Nhà đầu tư chiến lược sẽ tiến hành nộp tiền đặt cọc vào tài khoản phong tỏa của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú. Số tiền nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc tương ứng với 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại tiền cọc.

▪ ***Quy định về hạn chế chuyển nhượng:***

Theo quy định tại Tiết c, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì : *“Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận”.*

2.5. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổ chức bán đấu giá **1.406.750** phần với tổng mệnh giá là **14.067.500.000** đồng, chiếm 23,45% vốn điều lệ công ty cổ phần, cho các nhà đầu tư thông qua đấu giá.
- Giá khởi điểm dự kiến: **10.000 đồng/cổ phần** (Dựa trên Báo cáo xác định giá khởi điểm của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á).
- Thời gian bán đấu giá: Dự kiến tháng 11/2014 sau khi có Quyết định của UBND TP.Hồ Chí Minh phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài: Căn cứ Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/06/2009, các nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% vốn điều lệ Công ty cổ phần.

3. Loại cổ phần và phương thức phát hành

1.1. Loại cổ phần

- Tất cả cổ phần của Công ty cổ phần Đóng tàu An Phú tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.
- Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

1.2. Phương thức phát hành

- Việc bán cổ phần với giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên được thực hiện tại doanh nghiệp, theo danh sách đã được phê duyệt.
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá dự kiến được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

4. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với nhà đầu tư mua thông qua đấu giá: theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM ban hành.
- Đối với cán bộ công nhân viên: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt cổ phần hóa, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá đấu thành công thấp nhất là 10.000 đồng/ cổ phần, chi tiết như sau :

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục		Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a)	60.000.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(b)	55.899.902.682
3	Tiền thu từ cổ phần hoá	(c)	29.857.200.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		1.726.200.000
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước		1.114.200.000
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần		612.000.000
3.2	Thu từ bán cổ phần cho công đoàn		-
3.3	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		28.131.000.000
4	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV,	(d)	30.600.000.000

TT	Khoản mục		Số tiền (đồng)
	bán đấu giá ra bên ngoài		
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN	$(e) = (a) - (b)$	4.100.097.318
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(f)	300.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	(g)	0
8	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ	$(h) = [(c)-(d) - (f) - (g)] \times [(e)/(a)]$	-
Tổng số tiền nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty mẹ		$(c) - (e) - (f) - (g) - (h)$	25.457.102.682

Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú

Công ty sẽ thực hiện sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài.

III. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân,...

Những năm vừa qua, trong bối cảnh chung về tình hình kinh tế thế giới trì trệ do hậu quả từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và cuộc khủng hoảng nợ công kéo dài ở các nước châu Âu, nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức khi tốc độ tăng trưởng kinh tế có xu hướng giảm, lạm phát tăng cao, thị trường tài chính và tiền tệ đều có những diễn biến không thuận lợi... thì hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp không ít khó khăn. Qua năm 2014 nền kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu tăng trưởng trở lại, trải qua những thách thức về lạm phát tăng cao, biến động về tỷ giá, nền kinh tế trong nước cũng thu được những kết quả đáng khích lệ: GDP 06 tháng đầu năm 2014 ước tính tăng 5,18% so với cùng kỳ (cao hơn mức tăng 4,93% và 4,90% của cùng kỳ năm 2012, 2013), sản xuất được cải thiện, ổn định kinh tế vĩ mô được giữ vững, lạm phát được kiểm soát dưới mức 5%. Đến thời điểm hiện tại, sau một loạt các chính sách vĩ mô được đưa ra nhằm điều tiết nền kinh tế, nền kinh tế Việt Nam đã có những tín hiệu tích cực.

Khi nền kinh tế dần ổn định sẽ là tiền đề phát triển cho doanh nghiệp trong giai đoạn đầu kể từ khi chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần.

2. Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau (*Luật doanh nghiệp, Luật Hàng hải Việt Nam và Quốc tế,...*). Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro từ tình hình Biển Đông và biến động Chính trị trong khu vực

Hoạt động vận tải biển chịu rất nhiều tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô và các biến động chính trị trên thế giới. Điển hình như việc Trung Quốc liên tục có những động thái gia tăng sức ép với các quốc gia láng giềng về đường biên giới trên biển đảo trên khu vực Biển Đông và tranh chấp biển đảo với Nhật Bản. Đồng thời, thời tiết xấu như gió bão vào thời gian cuối năm và tình hình trên biển diễn biến thất thường đã gây những hậu quả nghiêm trọng đối với ngư dân dẫn đến tâm lý e ngại đầu tư tàu đóng mới, tàu có chất lượng và trọng tải lớn.

3.2. Rủi ro từ tăng trưởng của các ngành phụ trợ

Lĩnh vực sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan phương tiện thủy chịu ảnh hưởng rất lớn từ sự phát triển của các ngành như ngành Thép, hàn, phụ tùng cơ khí,...Chất lượng của các sản phẩm phụ trợ trong nước không ổn định dẫn đến các ngành chủ lực trở nên bị động và phải nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, chi tiết phụ tùng với giá thành cao. Tuy nhiên, Chính phủ đang chú trọng phát triển một số ngành phụ trợ với yêu cầu về chất lượng sẽ góp phần ổn định nguồn cung và hạ thấp giá thành các sản phẩm chính góp phần giảm thiểu rủi ro từ các ngành phụ trợ.

4. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...), hỏa hoạn,...Đây là các rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

❖ *Ban chỉ đạo cổ phần hóa*

- | | | |
|-------|--------------------------|---|
| ▪ Ông | Nguyễn Hồng Anh | Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty SAMCO – Trưởng ban |
| ▪ Ông | Huỳnh Trung Lâm | Phó Trưởng Ban Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp thành phố – Thành viên. |
| ▪ Ông | Huỳnh Thanh Khiết | Phó Giám đốc Sở Lao động thương binh và Xã hội Thành phố – Thành viên |
| ▪ Ông | Lê Hoàng Minh | Trưởng phòng Công nghiệp xây dựng giao thông, Chi cục Tài chính doanh nghiệp Thành phố – Thành viên |
| ▪ Bà | Trần Kim Hoàng | Chuyên viên Phòng Công nông nghiệp, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố – Thành viên |
| ▪ Ông | Huỳnh Minh Vân | Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám Đốc AN PHÚ – Thành viên |
| ▪ Ông | Phan Đăng Phú | Phó Tổng Giám đốc AN PHÚ – Thành viên |
| ▪ Ông | Võ Thị Thanh Thủy | Kiểm soát viên AN PHÚ – Thành viên |

❖ *Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa*

- | | | |
|-------|----------------------------|--|
| ▪ Ông | Huỳnh Minh Vân | Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám Đốc AN PHÚ – Tổ trưởng |
| ▪ Ông | Lê Nam Thanh | Trưởng phòng Nghiệp vụ Ban đổi mới Quản lý doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh; Ủy viên |
| ▪ Bà | Võ Thị Ngọc Hà | Chuyên viên Phòng Công nghiệp Xây dựng Giao thông – Chi cục Tài chính doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh – Thành viên |
| ▪ Bà | Trần Thị Nguyệt Nga | Chuyên viên phòng Lao động – Tiền lương – Tiền Công – Sở Lao động Thương binh và Xã hội TP. Hồ Chí Minh – Thành viên |
| ▪ Ông | Nguyễn Mạnh Tuệ | Phó trưởng phòng Kinh tế – Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh – Thành viên |
| ▪ Ông | Trần Vương Tú | Chuyên viên Phòng Quản lý Công sản – Sở Tài chính – Thành viên |

- | | | |
|-------|-------------------------|---|
| ▪ Ông | Bùi Văn Cảnh | Bí thư Chi bộ – Phó Tổng Giám đốc AN PHÚ – Thành viên |
| ▪ Ông | Phan Đăng Phú | Phó Tổng Giám đốc AN PHÚ – Thành viên |
| ▪ Ông | Trần Việt Thắng | Chủ tịch công đoàn – Phó trưởng Phòng TCHC-LĐTL AN PHÚ – Thành viên |
| ▪ Ông | Nguyễn Văn Hiến | Phụ trách Phòng KT-TC AN PHÚ – Thành viên |
| ▪ Ông | Nguyễn Thái Tiên | Trưởng phòng KT-KCS AN PHÚ – Thành viên |

❖ **Đơn vị tư vấn**

- | | | |
|-------|--------------------------------|----------------------------|
| ▪ Bà | Trương Nguyễn Thiên Kim | Phó Tổng Giám đốc |
| ▪ Ông | Khoa Năng Quang | Trưởng Bộ phận Tư vấn TCDN |

V. CAM KẾT

Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên các số liệu và phương án cổ phần hóa đã được duyệt của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú. Chúng tôi cung cấp thông tin với mục đích giúp nhà đầu tư có được những nhận định đúng đắn và khách quan trước khi tham dự đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú.

Chúc các nhà đầu tư tham dự buổi đấu giá thành công.

Xin trân trọng cảm ơn.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2014

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

TRƯỞNG BAN



NGUYỄN HỒNG ANH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

ĐÓNG TÀU AN PHÚ

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH MINH VÂN